TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG ĐẤT** **TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2025/DS-ST
Ngày 15-01-2025
V/v "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG ĐẤT, TỈNH BÀ RỊA -VŨNG TÀU

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Văn Thị Hiền
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Quế Phượng
2. Bà Nguyễn Thị Di

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Hương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Đất, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Đất tham gia phiên toà:*** Bà Hoàng Thị Huyến - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Đất, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 328/2024/TLST- DS ngày 21 tháng 10 năm 2024 về *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"*. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 121/2024/QĐXXST-DS ngày 13/12/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 99/2024/QĐST–DS ngày 30/12/2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần S; Địa chỉ trụ sở: Số B N, quận C, thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D – Tổng gíam đốc

Đại diện theo uỷ quyền: Ông Trần Đức K- Giám đốc chi nhánh

Ông K uỷ quyền lại cho bà Trần Thị Thu T, sinh năm 1992 - Chuyên viên kiểm soát rủi ro Chi nhánh B- Ngân hàng TMCP S (có mặt).

Bị đơn: Ông Lâm Chí T1, sinh năm 1986; Địa chỉ: C, khu phố L, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày*:**

Ngày 18/06/2018, Ông T1 có ký với Ngân hàng thương mại cổ phầS (sau đây gọi tắt là TMCP) Sài Gòn T – Chi nhánh B giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Căn cứ thu nhập của Ông T1, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 20.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất là

31.2%/ năm (lãi suất trong hạn). Khách hàng được sử dụng thẻ linh hoạt trong hạn mức tín dụng được cấp, khách hàng được rút và trả tiền quay vòng nhiều lần.
Lãi được tính trên từng giao dịch phát sinh theo từng ngày và theo lãi suất Ngân hàng áp dụng vào từng thời điểm khác nhau (Điều 26 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Ông T1 phải chịu các khoản phí theo quy định trong Điều 27 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, chi tiết lãi, phí trong sao kê tóm tắt.
Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, trong suốt quá trình sử dụng thẻ tín dụng Ông T1 đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền 23,733,369 đồng. Tính đến ngày 22/7/2023, ông T1 đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền **34.364.804 đồng** (Trong đó: thanh toán gốc: 28.267.666 đồng, thanh toán lãi: 6.097.138 đồng). Từ ngày 23/7/2023 cho đến nay, ông T1 không thanh toán cả tiền gốc và lãi cho ngân hàng. Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng Ông T1 vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông T1 vi phạm hợp đồng, nên ngày 22/09/2023 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ, và chuyển toàn bộ dư nợ ông T1 đến ngày 15/01/2025 số tiền gốc là 19.769.192 đồng này chuyển sang nợ quá hạn (Điều 26 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng) và áp dụng lãi suất nợ quá hạn là 3.9%/ tháng trên số tiền Nợ quá hạn (là 150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại).
Do ông T1 vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Điều 26 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng nên Ngân hàng yêu cầu ông T1 thanh toán số tiền còn nợ tính đến ngày 15/01/2025 là **32.920.213** đồng. Cụ thể là:

- Dư nợ gốc: 19.769.192 đồng
- Lãi quá hạn: 13.151.021 đồng
- Tổng cộng: 32.920.213 đồng

Ông T1 phải tiếp tục chịu lãi quá hạn kể từ ngày 16/01/2025 cho đến khi ông T1 thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo quy định tại Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng ngày 18/6/2018
- Về án phí: Đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật.

Bị đơn ông Lâm Chí T1: Sau khi thụ lý vụ án, ông T1 đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Qua xác minh tại địa phương: Ông T1 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại C, khu phố L, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Hiện nay, ông T1 đã không còn sinh sống tại địa chỉ trên

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Đất phát biểu quan điểm*:**

Qua nghiên cứu, đánh giá các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa dân sự sơ thẩm về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, thư ký, Hội thẩm nhân dân và những người tham gia tố tụng thì thấy:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán từ khi thụ lý vụ án, tiến hành thu thập chứng cứ đã thực hiện đúng theo quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Đối với Hội đồng xét xử tại phiên tòa hôm nay đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng, thư ký đã thực hiện đúng nhiệm vụ tại phiên tòa.

- Đối với nguyên đơn, đã chấp hành tốt các quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải thanh toán toàn bộ nợ gốc và lãi cho Ngân hàng thương mại cổ phần S với tổng số tiền tạm tính đến hết ngày 15/01/2025 là 32.920.213 đồng và lãi phát sinh tiếp theo kể từ ngày 16/01/2025 theo cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Về án phí: Đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Đất, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[**1] Về tố tụng:**

1.1. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào đơn khởi kiện về việc nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần S yêu cầu ông Lâm Chí T1 thanh toán toàn bộ nợ gốc và lãi đối với khoản vay Thẻ tín dụng. Bị đơn có đăng ký thường trú tại huyện L nên xác định đây là vụ án dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Long Đất, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu và quan hệ pháp luật của vụ án được xác định lại là "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng"* theo quy định tại Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

1.2. Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng trong vụ án: Bị đơn ông Lâm Chí T1 vắng mặt, không có đơn xin giải quyết vắng mặt, theo Biên bản xác minh ngày 08/11/2024, xác định ông Lâm Chí T1 có đăng ký thường trú tại C, khu phố L, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, nhưng hiện nay ông T1 không còn thực tế sinh sống tại địa phương. Ông T1 thay đổi chỗ ở không thông báo cho nguyên đơn biết nên đây là trường hợp cố tình giấu địa chỉ theo quy định tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017 ngày 5-5-2017 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao và điểm e khoản 1 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiếp xét xử vụ án là đúng quy định pháp luật.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu thanh toán nợ gốc và lãi của Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng:

Căn cứ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 18/6/2018 và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng. Theo đó Ngân hàng đồng ý cấp thẻ tín dụng cho ông Lâm Chí T1 với hạn mức 20.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất là 31.2%/ năm (lãi suất trong hạn). Lãi suất quá hạn là 3.9%/ tháng trên số tiền Nợ quá hạn này (là 150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại). Ông Lâm Chí T1 đã đồng ý với các điều khoản

này và đã ký tên vào đề nghị phát hành thẻ. Kể từ thời điểm kích hoạt thẻ tín dụng, ông T1 đã đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền 23.733.369 đồng.

Kể từ ngày 23/7/2023, Ông T1 ngừng giao dịch và không thanh toán tiền nợ cho Ngân hàng. Đến ngày 22/9/2023 Ngân hàng đã ngừng cung cấp dịch vụ cho ông T1. Tính đến ngày 15/01/2024, ông T1 còn nợ Ngân hàng thương mại cổ phần S tổng số tiền là 32.920.213 đồng. Trong đó nợ gốc là 19.769.192 đồng; Lãi quá hạn là 13.151.021 đồng.

Do ông T1 vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc, nợ lãi trong việc sử dụng thẻ tín dụng nên việc Ngân hàng yêu cầu ông T1 phải thanh toán các khoản lãi trên nợ gốc, lãi quá hạn tạm tính đến ngày 15/01/2025 là 32.920.213 đồng là phù hợp với quy định pháp luật.

Từ những phân tích, đánh giá chứng cứ nêu trên, Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở nên chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3] Về án phí sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên ông T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch được tính trên giá trị tranh chấp là 32,920,213 đồng.

Hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần S Tương số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 91, 147, 227, 266, 267, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng; Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần S về việc *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"* với ông Lâm Chí T1.

Buộc ông Lâm Chí T1 phải thanh toán toàn bộ nợ gốc và lãi cho Ngân hàng thương mại cổ phần S tổng số tiền theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 18/6/2018 và Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng tạm tính đến hết ngày 15/01/2025 là: 32.920.213 đồng (ba mươi hai triệu, chín trăm hai mươi nghìn, hai trăm mười ba đồng). Trong đó nợ gốc là 19.769.192 đồng (mười chín triệu, bảy trăm sáu mươi chín nghìn, một trăm chín mươi hai đồng); Lãi quá hạn là 13.151.021 đồng (mươi ba triệu, một trăm năm mươi mốt và lãi phát sinh tiếp theo kể từ ngày 16/01/2025 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 18/6/2018 và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng.

2. Về án phí:

Ông Lâm Chí T1 phải nộp số tiền 1.646.011 đồng (một triệu sáu trăm bốn mươi sáu nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho ngân hàng TMCP S số tiền 950.977 đồng (chín trăm năm mươi nghìn, chín trăm bảy mươi bảy đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003743 ngày 14/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Điền (nay là huyện L), tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

3. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử phúc thẩm. Đương sự vắng mặt thời hạn kháng cáo 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a,7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu;
- VKSND H. Long Đất;
- Chi cục THA H. Long Đất;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(ĐÃ KÝ)

Văn Thị Hiền